

HỒ BIỂU CHÁNH CÂY CẦU NÓI NHỮNG GIÁ TRỊ CỔ TRUYỀN VỚI CON NGƯỜI HIỆN ĐẠI

Hoài Anh

Hồ Biểu Chánh là người cuối cùng viết truyện Nôm theo thể lục bát với *U tình lục* (1910). *Vậy mới phải* (1913), cũng là người đầu tiên viết tiểu thuyết bằng văn xuôi quốc ngữ với *Ai làm được* (1912) (tôi nói đầu tiên vì những cuốn truyện ra đời trước tác phẩm Hồ Biểu Chánh còn mang dáng dấp truyện chí chữ không phải tiểu thuyết). Nói một cách công thức, rập khuôn theo các lịch sử văn học, thì phải bảo ông đã từ lĩnh vực văn học bình dân chuyển sang văn học viết. Nhưng lối phân loại cứng nhắc như thế không thể đứng vững khi nhận xét về tác phẩm Hồ Biểu Chánh. Những truyện Nôm mang tính chất bình dân, ông cũng đã viết ra nó bằng ngòi bút của một nhà nho học, còn những tiểu thuyết của ông vẫn mang tính chất bình dân, mặc dù ông chịu ảnh hưởng của văn học phương Tây. Nhưng ông chỉ mượn cốt truyện của một số nhà văn Pháp như: Victor Hugo, Alexandre Dumas cha, Hector Malot, học tập kỹ thuật viết truyện sao cho truyện mang màu sắc phiêu lưu hoạt động và tính chất ly kỳ hấp dẫn, còn ông vẫn trung thành với khuynh hướng đạo lý và bút pháp thuật sự như trong truyện Nôm, truyện chí truyền thống, chỉ khác là bố cục, kết cấu, cách miêu tả và ngôn ngữ có phần mới mẻ hơn bắt nguồn từ những sở đắc về văn học Pháp. Gần 100 tác phẩm trong vòng 50 năm, đều viết theo khuynh hướng và bút pháp ấy. Ông chỉ có cái bản khoán của nhà đạo đức muốn duy trì nhân tâm thể đạo, mà không có cái bản khoán của nhà nghệ sĩ muốn thể hiện nội tâm và đổi mới cách viết. Bình dân ở quan niệm viết gì, viết cho ai, viết như thế nào, ông còn bình dân ở chỗ muốn cho sách ông giá rẻ để người bình dân có thể mua được, dù có phải in xấu cũng cam. Nhà phê bình Thiếu Sơn người trước nhất đã viết về Hồ Biểu Chánh trong Phê bình và cáo luận (1933) đã kể lại về ông: "Lần đầu tiên tôi được đọc cụ (Hồ Biểu Chánh - HA) trong một cuốn sách Quảng cáo của nhà thuốc Nhị Thiên Đường. Tôi để ý tới tiểu thuyết của cụ rồi kiểm coi ở loại sách như những truyện Tàu in xấu, để hạ bốn cọc mà luôn luôn bán dưới giá đó."

Khi tôi gặp cụ, tôi thường khuyên cụ soạn lại tất cả những tiểu thuyết của cụ cho in lại, trình bày như sách của "Tự Lực Văn Đoàn", của "Tao Đàn". Cụ nghe ý kiến của tôi một cách chăm chú có vẻ tán thành nhưng rồi lại bỏ qua cho đến nỗi tới nay (1967) muốn đọc lại những tác phẩm của cụ cũng không biết kiểm đâu có mà đọc"

Như vậy là Hồ Biểu Chánh không muốn in đẹp, phải bán mắc, sẽ không đến tay được những độc giả bình dân thân thiết của ông. Ý ấy đã được xác minh trong bài viết của Đông Hồ về sách Hồ Biểu Chánh: "Bấy giờ (1952 - HA) Hồ tiên sinh đã về quê nhà ở Gò Công, không có một chủ nhật nào mà không có xe của các chủ báo đua nhau xuống Gò Công thăm tiên sinh mà mua tác phẩm. Có nhà báo giàu như báo Thần Chung, anh Nam Định đã mua và trả tiền trước, chiếm sẵn một lượt năm bảy bộ, giành lấy độc quyền. Rồi đến các nhà xuất bản cũng chạy theo. Khi đó tôi đang chủ trương nhà xuất bản Bốn Phương. Trong nhà cũng có người muốn có ít tác phẩm của Hồ Biểu Chánh y như các nhà xuất bản khác để góp mặt cho đủ với đồng nghiệp. Tôi cũng chiều ý. Tôi xuống Gò Công thăm tiên sinh và nói ý muốn

của tôi. Tôi được biết, các tác phẩm của tiên sinh đã được đặt cọc trước hết rồi, tìm mãi mới thấy còn sót lại hai bộ. Tôi cũng mua hai bộ và xuất bản. Thì tôi thấy độc giả không hoan nghênh gì hết. Nhà xuất bản Bốn Phương của tôi cũng không nhờ đó mà thêm bớt chút gì hết. Có lẽ tác phẩm của tiên sinh đưa vào Nhà xuất bản Bốn Phương của tôi bị lạc loài chẳng. Chuyện đó không quan hệ gì”.

Phải! Không quan hệ gì với một người kinh doanh sách, và chuyên bán cho những độc giả “trưởng giả”, nhưng rất quan hệ đối với độc giả bình dân vì họ chỉ có thể đọc Hồ Biểu Chánh qua những cuốn sách in xấu giá rẻ và trong những trang sách feuilleton trên báo hàng ngày. Điều kỳ lạ là cái đạo lý mà Hồ Biểu Chánh rao giảng cho đến gần đây và cả mới đây (trong phong trào tái bản ồ ạt sách Hồ Biểu Chánh) vẫn được người bình dân đón nhận, vì họ bắt nguồn từ đạo lý dân tộc, mang tính chất nhân dân, có cơ sở từ nghìn đời, người ta phải bám vào cái đạo lý truyền thống đó mới thẳng được làn sóng Âu hóa dồn dập tràn tới, văn hóa thực dân cũ cho đến thực dân mới. Nó vừa là sức đề kháng, vừa là phép vệ sinh tinh thần của con người Việt Nam trước bầu không khí ô nhiễm của văn minh vật chất từ trời Tây đưa lại. Điều kỳ lạ hơn nữa là người rao giảng đạo lý ấy, lại là một người từng làm Chủ quận, làm Đốc phủ sứ, làm Hội viên Hội đồng liên bang Đông Dương, giỏi tiếng Pháp được huy chương “Chevalier de la légion d’Honneur” cao quý nhất của Chính phủ Pháp, trong khi đó quan niệm đạo đức của ông lại không khác nhà thơ mù yêu nước Nguyễn Đình Chiểu, giống Nguyễn Đình Chiểu ở nếp sống thanh bạch, có lẽ đó là sự hun đúc của tinh thần đạo nghĩa phương Đông. Nhà văn Đoàn Giỏi đã tả ngôi nhà của Hồ Biểu Chánh ở Vĩnh Hội năm 1943 như sau: “Một ngôi nhà ngói vách ván, ba căn hai chái có hàng rào gỗ và hàng ba cột gỗ vuông. Trước sân bày nhiều chậu kiểng lớn trồng cau đỏ, cau vàng, cần thăng, kim quít... Mới tới lần đầu sao mà trông thân thuộc quá. Đúng rồi, đây là hình ảnh những ngôi nhà trung lưu kiểu xưa, tôi thường bắt gặp trong các tiểu thuyết của ông”. Đến cuối đời ông vẫn nghèo và phải sống bằng nghề viết văn, điều đó đủ chứng tỏ đức liêm khiết của ông khi còn tại chức.

Điều kỳ lạ nữa là người thích văn chương Pháp thường chịu ảnh hưởng cho đến tận cùng, đằng này Hồ Biểu Chánh chỉ vay mượn cốt truyện và học tập kỹ xảo ở vài nhà tiểu thuyết Pháp thế kỷ 19 trong giai đoạn mới bắt đầu cầm bút rồi sau đó dường như ông không hề theo dõi sự tiến triển của văn chương Pháp thế kỷ 20, cũng như sự ra đời của nền văn học hiện đại Việt Nam. Tôi có cảm tưởng ông không quan tâm gì đến André Gide chẳng hạn, tác giả cuốn *Kẻ vô luân* và *Kẻ làm bạc giả*, chủ trương tự do vô giới hạn, bất chấp đạo đức cũ, cho rằng “với những tình cảm đẹp người ta làm ra thứ văn chương dở” hay một Jean Paul Satre, tác giả cuốn *Buồn nôn* và *Giường máy*, chủ trương thuyết hiện sinh, sống cho hiện tại không quan tâm đến quá khứ và trong tương lai, mà người ta không ngớt làm ầm ĩ chung quanh ông. Ông vẫn ủng hộ thích thàng với phong thái một nhà hiền triết đem những bài học luân lý của quá khứ để nhắc nhở hiện tại và tưởng nhớ tương lai, khuyên con người phải biết “Vì nghĩa vì tình”, nhớ đến “Cha con nghĩa nặng”, bởi mang “Nặng gánh cang thường”, khen người “Trọng nghĩa vẹn tình” vì “Đại nghĩa diệt thân”, thương kẻ “Một đời tài sắc” mà “Chút phận linh đình”, căm ghét “Nhơn tình ấm lạnh”, chạy theo “Tiền bạc bạc tiền”, để đến nỗi “Kẻ làm người chịu”, thấy thân phận con người trong xã hội kim tiền chẳng khác chi “Ngọn cỏ gió đùa” ông càng “Cay đắng mùi đời” trước bao điều “Thiệt giả giả thiệt” nên ông “Tình mộng”,

ngoài tuy “Cười gương” nhưng trong “Khóc thầm”. Khuynh hướng đạo lý bộc lộ ngay ra ở nhan đề tác phẩm, không hề e ngại ở chỗ nó làm giảm giá trị nghệ thuật, do ông đã có một mục đích, một lý tưởng viết văn mà ông quyết tâm theo đuổi đến cùng. Một trong những truyện ông phóng tác là cuốn “Chúa tàu Kim Quy”, phỏng theo tiểu thuyết Bá tước đảo Monte Cristo của Alexandre Dumas cha. Có thể đọc lời nhận xét Bá tước đảo Monte Cristo của nhà văn Ý Umberto Eco (tác giả cuốn tiểu thuyết Tên của đóa hồng qua đó trình bày Hiện tượng luận), ta sẽ hiểu về văn phong của Dumas cha và cả của Hồ Biểu Chánh như thế nào: “Tôi đã cố dịch “Bá tước đảo Monte Cristo” hơn trăm trang. Rồi tôi đành đầu hàng. Tôi đầu hàng vì tôi hiểu rằng tôi còn phải tiếp tục với hai ngàn trang và cũng vì tôi tự hỏi phải chăng những hình thức dài dòng, sự tầm thường và những chỗ rườm rà vốn là một bộ phận của cái máy kể chuyện?”

Đến lúc này, một vài nghi vấn bản khoản nảy sinh ra. Nếu Dumas được trả tiền không phải tính theo dòng có thêm, mà lại tính theo dòng bớt đi, nếu ông rút ngắn lại, thì liệu “Bá tước đảo Monte Cristo” có còn là cái máng lãng mạn điều kỳ nữa không? Nếu có được rút gọn lại, nếu sự kết án, cuộc chạy trốn, việc tìm ra kho báu, việc trở lại Paris, sự trả thù hay đúng hơn là những cuộc trả thù dây chuyền, chỉ được qua một khoảng độ 200 hay 300 trang, thì tác phẩm còn có tác dụng như nó vốn có, nó có thành công trong việc lôi kéo chúng ta, cả những lúc vì nóng lòng muốn biết, ta đã bỏ qua nhiều trang và nhiều chỗ miêu tả không? (Ta bỏ qua chúng, nhưng ta biết rằng chúng tồn tại ở đó, ta đi nhanh lên một cách chủ quan trong khi vẫn biết rằng cái thì giờ kể chuyện đã được giản ra một cách khách quan! Thế là ta khám phá ra rằng những thái quá vô độ kinh khủng trong văn phong nổi cộm lên quá rõ, nhưng chúng có một giá trị kết cấu, như những thanh than chì trong các lò phản ứng hạt nhân, chúng làm chậm lại nhịp điệu, để cho những chờ đợi của ta nhúc nhối hơn, những dự kiến của ta mạnh dạn hơn. Tiểu thuyết của Dumas là một cái máy sản xuất ra sự hấp hối, ở đây không tính đến chất lượng của những hơi thở, cái đáng kể nhất là độ dài của chúng.

Ở đây, vấn đề là văn phong, nhưng văn phong kể chuyện khác với văn phong làm thơ và viết thơ. Le Grand Meaulnes của Alain Fournier được viết tốt hơn vạn lần “Bá tước đảo Monte Cristo” nó không nuôi dưỡng sức tưởng tượng tập thể với một sinh lực mạnh mẽ và một thời gian dài như thế. “Le Grand Meaulnes” chỉ là tác phẩm nghệ thuật. “Bá tước đảo Monte Cristo” trái lại nói với ta rằng nếu kể chuyện là một nghệ thuật thì những quy tắc của nghệ thuật này khác với những quy tắc của các loại hình văn học khác”.

Những dòng Umberto Eco viết về Dumas, lại soi sáng cho tôi khi nhận định về văn học Hồ Biểu Chánh. Nhưng cái điều mà Umberto Eco e ngại thì Hồ Biểu Chánh lại làm nổi, ông đã rút gọn lại “Bá tước đảo Monte Cristo”, để phóng tác thành “Chúa tàu Kim Quy” tuy vẫn còn có những chỗ dài dòng, rườm rà, nhưng vẫn tuân thủ nhịp điệu kể chuyện, mà không đánh mất chất lãng mạn điệu kỳ của nó, do đó nó vẫn còn sức thu hút nhiều thế hệ độc giả, muốn tìm trong tác phẩm một ý nghĩa tốt đẹp, cao thượng chứ không phải chỉ để chứng kiến sự dày vò, quẫn quại của con người cá nhân chủ nghĩa ích kỷ, đạo đức giả cũng như vô luân trắng trợn, thích tìm cảm giác lạ trong “thú đau thương” cũng như trong sa đọa và bệnh hoạn.

Nói Hồ Biểu Chánh chú ý đến phương tiện đạo đức, không phải là nói ông không có nghệ thuật. Từ 1933 Thiệu Sơn đã nhận xét: “Truyện thường xảy ra, hoặc có thể xảy ra ở xã hội, nhà tiểu thuyết cứ việc lấy tài liệu mà viết sách cho ta coi, nào có khó gì?”

Cái khó là câu chuyện phải sao cho có lý, lời thuật phải sao cho gọn gàng, cái cơ mưu phải sao cho tự nhiên, cách kết cấu phải sao cho ý vị. Và những người trong truyện, mỗi người một tính cách riêng, thì lại phải một nét vẽ riêng, vẽ từ điệu đi, tướng đứng, vẽ từ câu nói, tiếng cười, vẽ cái hành động ở ngoài, sao cho nó hợp với cái tâm lý ở trong, vẽ cái hoàn cảnh phụ cận sao cho nó giải nghĩa được cái sinh hoạt của người.

Ông Hồ Biểu Chánh chẳng những đã biết do sự quan sát mà sáng tạo ra được những nhân vật đúng với cái khuôn mẫu người đời biết, cho những nhân vật đó sống theo với cái tính cách riêng, cái thái độ riêng, trong những hoàn cảnh riêng của họ. Mà ông lại còn khéo cho những nhân vật đó, hiệp thành một xã hội gần giống như xã hội của ta, cho kẻ giàu gặp kẻ nghèo, người nghèo đụng người sang, kẻ gian hùng quý quyết với bậc nữ sĩ anh hào, vị giai nhân tài nữ với kẻ vô học phàm phu, vì những xung đột về danh, về lợi, về tư tưởng, tánh tình, về tinh thần khí tiết mà quay cuồng vật lộn, mà chiến đấu cạnh tranh, gây nên cái vẻ hoạt động trong đời, cho độc giả được thỏa lòng quan sát”.

Đời công chức không những không cản trở nỗi đời viết văn của Hồ Biểu Chánh, trái lại, còn giúp ích cho ông vì công vụ ông phải luân chuyển khắp các tỉnh miền Tây Nam Bộ, sang cả Campuchia, đó là dịp rất tốt để ông tha hồ quan sát và thu thập tài liệu về miền đất này như trong một viện bảo tàng nhân học.

Tác phẩm Hồ Biểu Chánh có hàng ngàn nhân vật gồm đủ: bác vật, quan thầy y sĩ, tấn sĩ, cử nhân tú tài, nữ sinh Nữ học đường hoặc Nhà Trắng, cai tổng tri phủ, hội đồng, thông ngôn, ký lục, tùy phái ở thành thị, hương cả, hương chủ, hương tuần¹, hương quản ở nông thôn, thợ thuyền lao động đất Hộ, chợ Chí Hòa, chợ Xã Tài, dân cày, dân lưới, tá thổ, tá điền, Chà và chetty: Khách chú lấy vợ Nam, Thổ Miên làm rẫy, Tây (như Lo-co trong Mẹ ghẻ con ghẻ) ngoài nhân vật đương thời lại có những nhân vật thời Tây Sơn và đầu Nguyễn Lê (Lê Văn Đò trong *Ngọn cỏ gió đưa*, Đổ Thành Nhân trong *Đổ nương nương báo oán*, Lê Tấn Nghĩa trong *Chúa tàu Kim Quy*). Cảnh thì từ ngôi nhà bánh ếch, trước nhà có vườn kiếng nào là bùm sùm, kim quít, cam kiếng bàn thờ cần ốc xà cừ, lằm lúa chứa hàng muôn giạ ở quê, đến xe kéo, xe kiếng, người gánh gánh cá ra đón xe lửa Gò Vấp mà đi qua chợ Bến Thành xuống cầu Ông Lãnh, người đánh xe thổ mộ ở chợ Gạo thỉnh thoảng thọc cán roi cho cái cằm xe nó đánh nghe lộc cộc.

Mỗi loại nhân vật lại có một kiểu y phục khác nhau: các thầy già thì bịt khăn đen, trẻ thì đội nón, song người nào cũng mặc áo dài, mang giày Tây, nơi cánh tay lại có máng một cây dù hoặc đen hoặc trắng. Hương quản, bồi bái thì áo Quảng Đông lụa tam công, quần lãnh đen mới, đầu trần mà có đầu tóc, tay cầm một cây dù máy vải đen, chân mang một đôi giày hàm ếch da láng, râu le the mấy sợi, miệng ngậm trầu bô bô... Cô Hai thì mặc áo Thượng Hải màu da trời bông bình bạc, bận quần cằm nhung trắng may lưng màu đọt chuối, đầu đội khăn màu trứng gà,

¹ Cai tuần (?) BBT

cổ đeo một sợi dây chuyền nhỏ mà Mề-đay-dông nhận hột xoàn lớn, bàn tay trái đeo một bộ cà rá, cườm tay mặt đeo chiếc vòng nhận hột xoàn, một tay xách bóp, một tay cầm khăn mù soa.

Mỗi loại nhân vật có một tính cách, tâm lý tất cả đều hoàn toàn Việt Nam: bà phủ hai trong *Ai làm được* đã tráo thuốc độc giết bà vợ cả mẹ Bạch Tuyết, lại xúi chồng ép gả Bạch Tuyết cho cháu ruột mù để hưởng trọn gia tài. Thông Lợi trong *Cay đắng mùi đời*, toa rập với vợ bé của anh bắt trộm con của bà lớn để dễ bề đoạt gia tài. Phùng Xuân trong *Kẻ làm người chịu*, dùng tiền của vợ trang trải nợ nần do cờ bạc, hút xách, đĩ điếm, sau khi biết vợ mình không còn yêu nữa thì lại bắt chẹt vợ không cho ly dị, cốt để làm tiền. Phục trong *Nợ đời* lợi dụng sắc đẹp, chà đạp lên những kẻ quỳ lụy trước nhan sắc của mình mà từng bước bước lên nấc thang tiền tài danh vọng. Cô Đăng trong *Dây oan* có chồng rồi lại tặng tịu với người tình cũ... Bên cạnh những kẻ bạc ác, xấu xa có những người lương thiện, chung thủy như Bạch Tuyết trong *Ai làm được* là thân gái mà cương quyết ra đi, phiêu dạt để cố xây dựng sự nghiệp cho Chí Đại, người yêu nàng. Thu Vân trong *Chút phận linh đình* cho chồng đi du học Pháp để lập nghiệp, khi nghe tin chồng chết vì đắm tàu, nàng buồn phiền toan tự vẫn chết theo chồng cho trọn nghĩa. Thăng Tý và con Quyên trong *Cha con nghĩa nặng*, khi thấy cha vượt ngục trở về, không những đã không sợ liên lụy và còn cứu cha cho khỏi án cũ để cha con đoàn tụ vui vẻ. Kỳ Tâm trong *Tinh mộng* nhận đóng vai chồng hờ của Yến Tuyết nên bị nàng khinh rẻ vì làm tưởng chàng tham tiền làm việc nhục nhã, nhưng sau đó chứng kiến thái độ chính nhân quân tử của chàng, nàng đem lòng kính phục, xin đi theo hầu hạ để đền ơn chàng cứu vớt danh giá mẹ con nàng. Phan Văn Quý trong *Mẹ ghê con ghê*, bị người dì ghê hắt hủi nhưng cố gắng lập thân thành người, sau khi thành đạt lại đưa dì ghê trở về con đường tốt, giúp em nên nghiệp, dùng tiền bạc vào công tác xã hội: lập cô nhi viện, cấp học bổng cho thanh niên hiếu học thành tài. Ông Cử trong tác phẩm cùng tên, bị vợ lường gạt hết gia sản, xé hôn thú rồi mang con đi lấy một người chồng có địa vị, tiền tài, ông thay tên đổi họ lên Sài Gòn giúp đỡ người nghèo, lấy đức mà khuyên răn đám dân lao động thiếu học. Người ta mang tiền ra mua chữ ký của ông vào tờ hôn thú của đứa con gái, dù nghèo ông vẫn một mực chỉ muốn biết người con rể có xứng đáng hay không, ông từ chối sự trả ơn của người khác kể cả con gái, con rể sau này muốn báo hiếu cho ông. Lê Văn Đố trong *Ngọn cỏ gió đùa* muốn cứu mẹ, chị dâu, và các cháu khỏi chết đói mà đi ăn trộm một trã cám heo, bị tù đầy khổ cực gian truân nhưng sau khi mãn hạn tù vẫn mang tâm thiện ra giúp đỡ người khác bằng cách mở trường học, lập nhà dưỡng bệnh, nhà nuôi trẻ mồ côi và những người già yếu tật nguyền, lại nuôi dạy và gây dựng cho con gái của Ánh Nguyệt để giữ tròn lời hứa với cô khi cô nhắm mắt. Tất Đặc trong *Từ hôn*, lúc đầu coi việc cưới cô Bạch Tuyết như một kế sinh nhai, sau thấy mẹ cô hết lòng thương chàng, cô thành thật yêu chàng và chàng cũng thành thật yêu cô, nên hổ thẹn về sự giả dối của mình viết thư từ hôn rồi bỏ ra đi...

Những cốt truyện và tính cách, tâm lý nhân vật nói trên, chỉ là cái cớ để dẫn đến chủ đích luân lý của tác phẩm, thiện bao giờ cũng thắng ác, kẻ làm lành làm phải sau bao nhiêu gian truân khổ ải đều được đền bồi, người hàm oan được thoát tội, kẻ làm ác phải sống nhục chết thảm, đó chỉ là một cây cầu dẫn người đọc đến với tấm lòng người viết. Bản thân Hồ Biểu Chánh đã đóng trọn vai trò một cây cầu: bắc ngang văn học cổ với văn học hiện đại, bắc ngang những giá trị tinh thần

truyền thống với con người trong xã hội văn minh vật chất. Thái độ của chúng ta không phải là qua cầu rút ván, mà là qua cầu ngả nón trông cầu, cầu bao nhiêu nhíp... đánh giá hết những đóng góp của Hồ Biểu Chánh vào sự nghiệp văn học của dân tộc
(Trích Văn số 40)

Nguồn : "*Phê bình bình luận văn học*" - Nxb Tp. Hồ Chí Minh- 1998

©2006 hobieuchanh.com